

CHƯ KINH TẬP YẾU

QUYỂN 2

THỨ HAI : KÍNH PHÁP

- Duyên thuật ý.
- Duyên thuyết pháp.
- Duyên nghe pháp.
- Duyên tiệt đốn.
- Duyên cầu pháp.
- Duyên cảm phước.
- Duyên báo ân.
- Duyên báng Phật.

Thứ 1: Trình bày về duyên ý

Nghe là: Tịch diệt bất động, tức là không hình tượng, không lời nói, cảm ứng mà thông suốt, vì có tên gọi, có giáo pháp, một bài kệ bốn câu khó được nghe. Lửa ba ngàn đẽ vào, thường tránh băng tuyết lạnh vào đêm, suốt đêm trắng sáng, một mình nơi vắng, tán tụng kinh điển, rũ bỏ áo cung điện, chữ nghĩa rõ ràng, lời nói lưu loát, từ ngữ mạch lạc, phù hợp tâm người, lợi ích chúng sanh, khéo làm cho những linh hồn Tu-đà-hoàn uẩn vui mừng, tinh thần sản khoái. Tu tập lâu ngày thuần thực, văn nghĩa rõ ràng, kính tâm đọc tụng chí thành, cảm ứng đến chỗ u tối khiến tin hiểu thọ trì một bài kệ phước đức rộng lớn sâu xa, viết chép một lời công đức muôn khiếp. Vì thế, Bồ tát Ca Diếp cúi đầu thọ nhận, Bồ tát... Tát-đà với tâm cung kính dù lột da mà vẫn thường không mất giọt máu. Đây là cửa sổ cam lồ ban đầu, đầy đủ các công đức vào đạo.

Thứ 2: Duyên giảng pháp

Pháp sư khi thăng tòa trước phải kính lễ Tam bảo, tự thanh tịnh tâm ý. Khi quán xét tìm chọn người, phải đầy đủ lòng từ bi, cứu độ chúng sanh, lợi ích muôn loài, sau đó mới giảng thuyết. Như trong kinh

Báo-ân dạy: Người nghe pháp mà ngồi, người thuyết pháp đứng không vì họ mà thuyết pháp. Người nghe tìm lỗi của người thuyết thì không nên vì họ mà thuyết pháp. Người nghe pháp y người không nương vào pháp, nương vào chữ mà không nương vào nghĩa, y vào kinh không liễu nghĩa mà không nương vào kinh liễu nghĩa, y vào thức mà không nương vào trí thì đều không nên vì họ mà thuyết pháp. Vì sao? Vì người này không cung kính chư Phật, Bồ tát và pháp thanh tịnh. Nếu cho rằng tôn trọng pháp thì người nghe pháp cũng sanh tâm cung kính, chuyên chú lắng nghe, lãnh thọ không sanh kiêu mạn. Đó là thuyết pháp thanh tịnh.

Lại trong luật Ngũ Phần dạy: Từ bỏ tâm tham, tâm không xem thường mình, thường đại chúng, không xem tâm phải thương yêu, tâm vui vẻ, tâm lợi ích, tâm không tán loạn. Bằng những tâm này mà thuyết giảng một bài kệ bốn câu mới khiến cho người hiểu rõ như thật, an lạc dài lâu, lợi ích vô lượng.

Lại trong kinh Niết bàn dạy: Nếu có người thọ trì, đọc tụng, biên chép, giảng dạy mà chẳng đúng thời, chẳng đúng nơi chốn, không mời thỉnh mà thuyết giảng, với tâm khinh mạn, coi thường người khác, tự khen ngợi mình, tùy ý thuyết giảng, hủy diệt pháp Phật, đến nỗi khiến vô lượng người bị rơi vào địa ngục. Những người như vậy là ác tri thức của chúng sanh.

Lại trong luật Thập tụng dạy: Có năm hạng người hỏi pháp đều không nên giảng thuyết: Một là hỏi thử. Hai là không nghi mà hỏi. Ba là không vì sám hối chỗ sai phạm mà hỏi. Bốn là không chấp nhận lời nói mà hỏi. Năm muốn gây khó nên hỏi vặn lại, tất cả đều không nên trả lời. Nếu đối với người thật có tâm tốt, nhưng không đủ tâm ý mà muốn phát sanh thiện, diệt trừ ác thì Pháp sư phải tùy theo căn cơ, dùng mọi phương pháp tùy theo sự mong cầu của họ mà thuyết giảng. Nếu tự mình chưa rõ, hay pháp còn nghi ngờ thì không nên giảng thuyết cho họ, sợ khiến lầm lẫn, mất đi sự truyền đạt, điều này bị tội.

Lại trong giới kinh Ưu-bà-tắc, Đức Phật dạy: Người an trú như pháp là làm lợi mình và người, người an trú không như pháp thì không được gọi là lợi mình lợi người. Người an trú như pháp có tám trí tuệ. Những gì là tám? Một là biết về pháp. Hai là biết về nghĩa. Ba là biết phải lúc. Bốn là trí tuệ biết đủ. Năm là biết mình và người. Sáu là biết mọi người. Bảy là biết nguồn gốc. Tám là biết tất cả. Người ấy đầy đủ tám trí như vậy. Lại có chỗ cho phải đủ mười sáu việc: Một là thuyết giảng đúng thời. Hai là một lòng giảng thuyết. Ba là thuyết theo thứ lớp.

Bốn là hòa hợp mà thuyết. Năm là tùy thuận nghĩa lý mà giảng thuyết. Sáu là vui thích giảng thuyết. Bảy là tùy ý giảng thuyết. Tám là không xem thường đại chúng mà thuyết. Chín là không quở trách đại chúng mà giảng thuyết. Mười là thuyết giảng như pháp. Mười một là giảng thuyết lợi mình lợi người. Mười hai thuyết giảng không tán loạn. Mười ba thuyết giảng hợp với nghĩa lý. Mười bốn thuyết giảng chơn chánh. Mười lăm thuyết giảng rồi không sanh kiêu mạn. Mười sáu thuyết giảng không mong cầu quả báo thế gian. Những vị như vậy thì có thể thọ nhận pháp từ họ.

Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm dạy: Nếu có chúng sanh thực hành nghiệp thiện chơn chánh, giảng thuyết mật bài pháp kệ cho người tà kiến khiến cho họ có lòng tin với Phật, lúc mạng chung sanh về cõi trời Ứng-thanh, hưởng thọ các thú vui, từ cõi trời lại lui sụt, tùy theo nghiệp mà lưu chuyển. Hoặc vì tài vật mà thuyết pháp cho người, không phải từ tâm lợi ích cho chúng sanh mà chỉ muốn vì tài vật, hoặc cho cơm rượu, cùng người nữ ăn uống, như kỹ nhi tự mua cầu tài vật. Thí pháp như vậy quả báo rất ít. Nếu sanh lên cõi trời mà trí tuệ như chim (thấp kém), có thể giảng thuyết đọc tụng kệ thì gọi là bố thí pháp bậc hạ. Thế nào là bố thí bậc trung? Vì được danh tiếng, vì hơn người khác, vì hơn hẳn pháp sư khác, vì người thuyết pháp với tâm ganh tỵ. Bố thí pháp như vậy được phước báo rất ít, sanh trong cõi trời, thọ nhận quả báo vừa, hoặc sanh trong loài người. Đó gọi là bố thí pháp bậc trung. Thế nào gọi là bố thí pháp bậc thượng? Dùng tâm thanh tịnh, vì muốn tăng trưởng trí tuệ cho chúng sanh mà thuyết giảng pháp chứ không vì tài lợi, khiến cho những chúng sanh tà kiến an trú trong chánh pháp. Bố thí pháp như vậy là lợi mình và người, là tối thắng Vô thượng cho đến Niết bàn, phước đức này không thể cùng tận. Đó là bố thí pháp bậc thượng.

Lại trong kinh Ca Diếp, Thế tôn nói kệ:

*Ba ngàn đại thiên cõi
 Châu báu đầy trong đó
 Dùng vật ấy bố thí
 Chỉ được công đức ít.
 Nếu thuyết một bài kệ
 Công đức lại nhiều hơn
 An vui của ba cõi
 Thí hết cho một người
 Không bằng thuyết bài kệ
 Công đức thật to lớn*

*Phước đức này hơn kia
 Xa lìa các khổ não.
 Hoặc hằng sa thế giới
 Châu báu đầy trong đó
 Dâng cúng dường Như Lai
 Không bằng thí bài pháp.
 Thí báu phước tuy nhiều
 Không bằng một bài pháp
 Phước bài kệ hơn hẳn
 Hướng nhiều khó nghĩ bàn.*

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa dạy: Người tại gia nên thực hành bố thí tài sản, người xuất gia nên bố thí pháp. Vì sao? Vì người tại gia bố thí pháp không bằng người xuất gia. Vì người nghe pháp với người tại gia thì ít phát lòng tin. Lại nữa, người tại gia có nhiều tài vật, người xuất gia đối với kinh pháp đọc tụng thông suốt, nên thuyết pháp cho người ở trong chúng không run sợ, người tại gia không thể sánh kịp. Lại nữa, muốn người nghe pháp phát tâm cung kính, không bằng người xuất gia, thuyết pháp điều phục tâm người cũng không bằng người xuất gia, như kệ:

*Trước tự tu tập pháp
 Sau đó dạy bảo người
 Mới có thể bảo rằng
 Ông hành theo pháp ta.
 Minh làm việc bất thiện
 Bảo người khác làm thiện
 Minh không được thanh tịnh
 Sao khiến người được yên.*

Lại nữa, người tại gia nếu bố thí tài sản, thì bị chướng ngại các việc thiện khác, xa lìa nơi vắng lặng, đến xóm làng bàn bạc nhiều công việc với cư sĩ thì phát sanh ba độc. Đối với sáu độ tâm ý cạn cợt, cho đến tham đắm năm dục, xả giới hoàn tục, cho nên gọi là “Tử”. Hoặc có thể phạm giới phát sanh tội nặng, đây gọi là tử. Các khổ nạn phiền não đều do những lý do trên, nên đối với người xuất gia thì khen ngợi bố thí pháp, đối với người tại gia nên ca ngợi bố thí tài sản.

Lại trong kinh Kim Cang Minh dạy: Người giảng thuyết pháp có năm việc: Một là bố thí pháp mà ta và người đều lợi ích, bố thí tài vật thì không phải như vậy; hai là bố thí pháp khiến cho chúng sanh thoát khỏi ba cõi, người bố thí tài vật thì không thoát khỏi cõi dục; ba là bố thí

pháp được lợi ích pháp thân, bố thí tài vật thì nuôi dưỡng sắc thân; bốn là bố thí pháp lớn mạnh vô cùng, bố thí tài vật có ngày khô cạn; năm là bố thí pháp đoạn trừ được vô minh, bố thí tài vật chỉ điều phục được tâm tham. Vì thế nên biết bố thí tài vật không bằng bố thí pháp. Nếu thành tựu bố thí pháp thì tự mình có nền móng tiến lên, nếu có hiểu biết mà không cho người biết vì sợ người hơn mình chỉ giấu kín không giảng thì vị lai tự mình không được nghe pháp.

Lại theo luận Trí độ dạy: Nếu keo kiệt về pháp thì thường sanh chỗ què mùa không có Phật pháp. Do ích kỷ pháp nên làm chướng ngại trí tuệ sáng suốt của người ấy. Điều này tức là không như bán pháp người khác mà ngược lại người khác lại hơn hẳn.

Lại trong kinh Chư Pháp Đồng Vương dạy: Trong cõi Diêm phù đề, nếu có chúng sanh đi trên hư không, trên đất liền hay dưới nước, tất cả được thân người, nếu có một người dạy các người này mà khiến cho họ an trú trong năm giới, mười điều thiện thì sẽ được các công đức mà không bằng có người giáo hóa một người làm cho người ấy được Tín, Hạnh.

Lại trong luận Tỳ-bà-sa dạy: Có bốn pháp làm trí tuệ lui sụt mà Bồ tát nên xa lìa. Những gì là bốn? Một là không kính pháp và người thuyết pháp. Hai là đối với pháp căn bản mà ích kỷ. Ba là người ưa thích pháp mà làm trở ngại, phá hoại tâm chí nghe pháp của họ. Bốn là thường kiêu mạn, tự cao khinh người. Lại có bốn pháp để đạt được trí tuệ phải thường tu tập: Một là cung kính pháp và người thuyết pháp. Hai là nghe và đọc tụng đúng như pháp, để thuyết pháp cho người, tâm luôn thanh tịnh không mong cầu lợi dưỡng. Ba là biết từ đa văn mà đắc trí tuệ, nên siêng năng mong cầu không ngừng nghỉ như cứu lửa trên đầu. Bốn là nghe và thọ trì đúng như pháp, không quên mất. Tôn trọng thực hành đúng như lời nói mà không trọng chỉ có nói.

Thứ 3: là nhân duyên nghe pháp

Phàm phu muốn nghe pháp, tâm cần chân thật, kính pháp, tôn trọng người, chí thành xuất ly không mong cầu pháp hữu vi trời, người. Trong kinh A-hàm Đức Phật nói kệ:

*Người nghe chánh tâm như khát uống
Nhất tâm thể nhập vào ngữ nghĩa
Nghe pháp lòng vui mừng thanh thản
Người như thế mới vì họ thuyết.*

Lại trong kinh Ưu-ba-tắc giới dạy: Khi nghe pháp từ người khác

phải đủ mười tám điều: Một là nghe đúng thời. Hai là thích nghe. Ba là chú tâm nghe. Bốn là cung kính nghe. Năm là nghe không tìm lỗi. Sáu là vì muốn bàn luận mà nghe. Bảy là không phải vì muốn hơn người mà nghe. Tám là lúc nghe không xem thường người thuyết. Chín là lúc nghe không xem nhẹ pháp. Mười là lúc nghe trọn không xem thường mình. Mười một là lúc nghe xa lìa năm sự ngăn che. Mười hai là lúc nghe vì để thọ trì đọc tụng. Mười ba là nghe để diệt trừ năm dục. Mười bốn là nghe để có đầy đủ niềm tin. Mười năm là nghe để điều phục chúng sanh. Mười sáu là nghe để diệt trừ các căn ngu tối. Nay thiện nam tử! Người đầy đủ trí tuệ có thể thuyết pháp và nghe pháp. Người như vậy thì lợi mình, lợi người. Người không phải như thế thì chẳng được gọi như vậy.

Lại trong kinh A Dục Vương dạy: Xưa có vua A-thứ-già-na bảo Pháp sư đi thuyết pháp: Khi đi bộ bị các người nữ ngăn lại bảo thuyết pháp cho họ. Lúc ấy Pháp sư thuyết pháp cho người nữ thường thuyết về bố thí, trì giới và sự sanh thiên. Có một người nữ phạm một phần vương pháp, liền cởi khăn, đến trước Pháp sư thưa: Như Lai Đại Giác dưới cây Bồ đề, lúc giác ngộ các pháp, giác ngộ pháp bố thí, trì giới chẳng hay còn giác ngộ gì nữa?

Pháp sư đáp: Đức Phật biết các pháp hữu lậu là khổ, như sắt bị mòn rỉ, khổ này từ nhân của tập mà sanh, giống như cây độc, phải tu Bát chánh đạo để diệt trừ khổ tập. Người nữ nghe như vậy liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, lấy dao đeo vào cổ, đến chỗ nhà vua tâu: Hôm nay, con phạm vương pháp nặng, xin vua dùng vương pháp trị con.

Nhà vua hỏi: Người phạm việc gì?

Người nữ tâu: Chúng con phạm vương pháp, đã ngăn chặn Pháp sư, ví như bò khát nước, không tránh khỏi cái chết, con thật sự khao khát pháp Phật, nhờ vậy mà bỗng nhiên được nghe pháp.

Nhà vua hỏi: Khi nghe pháp người lãnh thọ được gì?

Người nữ tâu: Thấy được bốn chân đế, hiểu rõ Ấm, Giới, Nhập và biết các Đại đều Vô ngã, nên liền đắc được pháp nhãn.

Nhà vua nghe tâu như vậy, rất vui mừng, làm lễ nói: Từ nay về sau, ta không làm điều gì mà chướng ngại người ưa thích nghe pháp. Ta cho phép trực tiếp đến gặp Pháp sư để nghe pháp. Lành thay! Trong cung ta xuất hiện người tôn quý. Vì nhân duyên này, nên mới biết nghe pháp được lợi ích.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Bấy giờ, ở nước Bát-già-ca, đem năm trăm con nhạn trắng hiến cúng cho vua Ba-tư-nặc. Nhà vua

nhận, mang đến Tinh xá kỳ-hoàn. Đúng giờ chúng Tăng thọ trai, tất cả đều thọ trai xong, đàn nhận thấy chúng Tăng nhóm họp trước Tinh xá, Đức Phật dùng một thứ tiếng thuyết pháp, chúng sanh đều hiểu rõ. Lúc ấy, đàn nhận cũng hiểu tiếng nói của Phật, nên nghe pháp rất vui mừng, chúng kêu nhau trở về hồ nước, rũ lông vũ cánh bay đến nơi khác. Người thợ săn dùng lưới vây bủa giết chúng, một con nhận kêu lên, thì tất cả đồng kêu. Những âm thanh ấy, nghĩa là lúc nghe pháp nhờ tâm lành này nên sanh vào cõi trời Đao lợi. Sống trong pháp sanh cõi trời, có ba niệm: Một là nhớ nghĩ xưa từ đâu đến? Hai là nghĩ thiên định sanh về đâu? Ba là nghĩ về kiếp trước làm việc gì mà sanh lên cõi trời? Tự suy nghĩ, ngày trước đã không làm việc thiện nào, chỉ đến bên Phật và chúng Tăng nghe pháp. Nghĩ như thế rồi, lúc ấy năm trăm Thiên tử liền hạ xuống, đến bên Như lai. Đức Phật vì họ mà thuyết pháp khiến cho tất cả đều chứng quả Tu-đà-hoàn. Vua Ba-tư-nặc vừa đến chỗ Phật, thường thấy năm trăm con nhận xưa kia la liệt trước Đức Phật hôm nay không thấy liền hỏi Phật: Đàn nhận trong này đã bay đi đâu?

Đức Phật bảo: Người muốn biết đàn nhận trước kia đã bay đi ở nơi khác, là vì bị thợ săn giết chết, nên sanh vào cõi trời. Năm trăm vị Thiên tử đó, hôm nay đội mũ trời tốt đẹp, thật chính tề, nghe pháp đều đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Nhà vua thưa: Đàn nhận này do nghiệp duyên gì mà bị rơi vào súc sanh, lúc chết được sanh lên cõi trời, ngày nay đã đắc đạo.

Đức Phật dạy: Xưa kia, thời Đức Phật Ca Diếp có năm trăm người nữ, đều đã thọ giới, do giữ tâm không vẫn nên đã hủy phạm giới, do phạm giới nên rơi vào súc sanh, làm thân chim nhận. Vì có thọ giới nên được đến nghe pháp của Như Lai mà đắc đạo. Do nhân duyên nghe pháp của chim nhận mà được sanh lên cõi trời.

Lại trong kinh Cự Tạng Thí Dụ dạy: Xưa có một vị Sa-môn đêm ngày tụng kinh, có một con chó nằm dưới giường chú tâm nghe kinh, không nghĩ chuyện ăn uống. Cứ nhiều năm như vậy, lúc chết được làm thân người, sống trong nước Xá-vệ, làm người nữ lớn tuổi. Khi thấy vị Sa-môn khát thực, liền mang thức ăn vui vẻ dâng cúng vị ấy, về sau làm vị Tỳ-kheo ni chứng đắc đạo quả. Lại trong kinh Phó-pháp-tạng dạy: Đức Phật bảo tất cả chúng sanh: Muốn ra khỏi biển lớn sanh tử của ba cõi, chắc chắn phải nương vào thuyền pháp mới được qua khỏi. Pháp là trong mát để diệt trừ nóng bức của phiền não, pháp là thuốc nhiệm mầu diệt được bệnh trói buộc, pháp là thiện tri thức chân thật của chúng sanh, là lợi ích lớn, cứu vớt các khổ não. Vì sao vậy? Vì tất cả chúng sanh tâm

tánh vô thường, tùy theo chỗ huân tập nên nếu gần thiện thì lành, nếu gần ác thì ác. Nếu gần bạn ác thì gây nghiệp ác mà lưu chuyển trong sanh tử không giới hạn. Nếu gần bạn lành thì phát khởi đức tin cung kính, nghe và thọ trì pháp nhiệm mầu, chắc chắn xa lìa các khổ não trong ba cõi, do công này mà được an lạc tối thắng. Nhà vua nước Hoa-thị có một con voi trắng, có thể diệt trừ các địch oán thù. Nếu người phạm tội thì sai khiến voi giẫm chết. Sau đó, chuồng voi bị lửa cháy, nên dẫn voi đến gần chùa, nghe vị Tỳ-kheo tụng kệ kinh Pháp Cú: Làm thiện sanh thiện, làm ác đọa chốn sâu thẳm. Voi nghe pháp rồi, tâm liền nhu hòa, phát khởi lòng từ bi. Về sau, khi đưa người phạm tội đến, thì nó chỉ dùng mũi ngửi, lưỡi nếm rồi bỏ đi, chẳng ưa thích giết hại. Nhà vua thấy vậy rất kinh ngạc, liền triệu tập các quần thần kể lại việc này. Một vị thần có trí tuệ tâu vua: Con voi này gần chùa, chắc chắn nghe pháp vi diệu nên như vậy. Hôm nay, dẫn nó đến trói ở nơi lò mổ. Nhà vua cũng chấp nhận như vậy. Con voi khi thấy nơi giết hại nhiều, tâm ác càng hừng hực, tăng thêm sự tàn ác. Vì vậy, nên biết tất cả chúng sanh tâm tánh vô thường. Súc sanh nghe pháp còn sanh lòng từ như vậy, còn nếu thấy giết hại thì tâm ác tăng lên, huống gì con người mà không huân tập nhiễm ô. Vì vậy, người trí cần phải hiểu biết, thấy ác phải từ bỏ, thấy thiện nên gần gũi, siêng năng nghe kinh pháp.

Thuở xưa, có Bà-la-môn mang rất nhiều đầu lâu người đến thành Hoa-thị, quần áo khắp nơi để bán, đã quá lâu mà chẳng có người mua. Lúc ấy, Bà-la-môn rất giận dữ la mắng lớn tiếng: Người ở thành nay ngu si mê mờ, nếu không mua đầu lâu của ta, thì ta sẽ gây ác lừng trời. Bấy giờ, trong thành có các Ưu-bà-tắc nghe la mắng lo sợ, liền đem tiền ra mua, dùng đôi vòng bằng đồng đeo tai đưa cho họ. Nếu người sáng suốt thì đưa ra giá cao, người bình thường thì trả giá thấp dần, còn người không sáng rõ thì hoàn toàn không trả giá nào. Bà-la-môn nói: Những đầu lâu này của ta đều giống nhau sao lại trả giá khác nhau? Ưu-bà-tắc nói: Người sáng suốt trước kia, khi sanh ra đã lãnh thọ pháp vi diệu, trí tuệ thù thắng, quý trọng đầu này nên trả giá cao như vậy. Người tuy nghe kinh pháp nhưng chưa phân biệt rõ điều thiện nên đưa ra giá thấp dần. Còn người hoàn toàn không không sáng là do người này trước kia chưa từng nghe pháp nên chẳng trả giá nào. Khi ấy, Ưu-bà-tắc mang đầu lâu đến ngoài thành xây tháp cúng dường. Sau khi qua đời, vị Ưu-bà-tắc này được sanh lên cõi trời. Do nhân duyên này nên biết pháp vi diệu có công đức rất lớn. Những Ưu-bà-tắc này do nghe pháp mà xây tháp cho đầu lâu, người để cúng dường mà còn được sanh lên cõi trời,

huống nữa chí tâm nghe thọ trì kinh pháp, cúng dường cung kính người thọ trì kinh, phước báo này khó cùng tận, trong vị lai nhất định chứng quả Vô thượng. Thế nên người trí muốn an vui Vô thượng thì phải chí tâm chuyên cầu nghe kinh pháp.

Lại trong kinh Hiền Ngu dạy: Xưa Đức Phật còn tại thế, trong nước Xá-vệ có trưởng giả Tu-đạt là vị thí chủ tôn kính Phật, Pháp, Tăng, nếu Tăng cần gì thì vị ấy đều cúng dường tất cả. Trong nhà Tu-đạt có hai chim Oanh vũ: Con thứ nhất tên Luật-đề, con thứ hai tên Xa-luật-đề tánh vốn sáng suốt, thông hiểu tiếng người. Khi thấy Tỳ-kheo đến, trước tiên bảo người trong nhà ra tiếp đón. Sau đó, khi tôn giả A Nan đến nhà, thấy chim thông minh sáng suốt nên giảng thuyết pháp bốn chân đế Khổ Tập Diệt Đạo. Hai con chim trên cây, trước cửa nghe pháp, bay lên trên cây vui mừng trì tụng. Ban đêm chúng trú trên cây bị chồn ăn, Do căn lành này nên được sanh lên cõi trời Tứ thiên vương. Ở đó lúc thọ mạng kết thúc được sanh vào cõi trời Đạo lợi. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Dạ ma. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Đâu suất. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Hóa lạc thiên. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời thứ sáu Tha hóa tự tại. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Hóa lạc. Cứ lần lượt như vậy, lại sanh đến cõi trời Tứ thiên vương. Ở đó kết thúc sanh vào cõi trời Tha hóa tự tại. Cứ lên xuống như vậy, trải qua bảy lần sanh vào cõi trời Lục dục tự mình hưởng thọ an lạc. Ở cõi trời thứ sáu, không ở cõi trời nào nữa, sau đó mạng chung làm người xuất gia tu đạo, chứng quả Bích-chi-phật, một vị tên là Đàm Ma (Đạt Ma), vị thứ hai là Tu Đàm Ma.

Lại trong kinh Hiền Ngu dạy: Xưa lúc Phật còn tại thế, có một Tỳ-kheo ở trong rừng tụng kinh, giọng rất hay. Lúc đó, có một con chim trên cây cung kính nghe pháp, nhưng sau đó nó bị thợ săn bắn chết. Nhờ căn lành nghe pháp này mà chim được sanh vào cõi trời Đạo lợi, diện mạo đoan nghiêm, ánh sáng rực rỡ không ai sánh bằng, tự biết kiếp trước. Biết được nhân duyên nhờ nghe vị Tỳ-kheo tụng kinh và nghe pháp nên được sanh vào cõi này, liền đem hương hoa trời đến dâng cúng Tỳ-kheo và kính lễ thưa hỏi. Vị Tỳ-kheo hỏi đầy đủ mọi việc biết sự éo le ấy, nên bảo ngồi xuống thuyết pháp, chứng quả Tu-đà-hoàn. Khi được quả vị rồi lại trở về cõi trời. Loài chim nghe pháp còn được phước vô lượng như vậy, huống nữa loài người. Nếu có đức tin nghe pháp thì sao không có quả báo tốt lành!

Lại trong luật Thiện Kiến dạy: Xưa kia lúc Đức Phật còn tại thế, đến bên hồ Ca-la nước Chiêm-ba-la thuyết pháp cho chúng sanh, Lúc

đó trong hồ có con hàu nhỏ, nghe âm thanh Đức Phật thuyết pháp bên hồ, liền ra khỏi hồ đến bãi cỏ nằm rạp xuống, nghe Phật thuyết pháp. Khi ấy, có người cầm roi chặn bò, nghe Đức Phật đang an tọa thuyết pháp cho chúng sanh, liền đến chỗ Phật. Vì muốn nghe pháp nên cầm roi chống xuống đất, vô tình trúng vào đầu con hàu, nó liền chết sanh lên cõi trời Đạo lợi. Nhờ phước báo đó, nên sống trong cung điện diện tích hai mươi do tuần, cùng các Thiên nữ vui chơi khoái lạc. Lại từ cung điện đó cho đến chỗ Đức Phật cúi đầu lễ Phật sát đất. Ngài biết vậy nên hỏi: Đây là ai, bỗng nhiên lễ lạy dưới chân Ta mà ánh sáng thân thông sáng rực không gì bằng, chiếu khắp cả thế gian này? Vị trời hàu con liền dùng kệ thưa:

*Thuở xưa là thân hàu
Ở trong nước tìm ăn
Nghe tiếng Phật thuyết pháp
Bò lên cỏ nằm xuống.
Có một người chặn bò
Cầm roi đến nghe pháp
Mũi roi chích đầu con
Chết sanh lên cõi trời.*

Đức Phật dùng bài kệ của vị trời hàu mà thuyết pháp cho bốn chúng. Khi ấy trong chúng có tám vạn bốn ngàn người đều đắc Đạo, vị trời hàu chứng quả vị Tu-đà-hoàn miễn cười mà đi.

Thứ 4: Nhân duyên tiệm đốn

Như trong kinh Bách Dụ dạy: Xưa kia có một xóm làng, cách thành vua năm do tuần, trong thôn xóm ấy, có nước rất trong mát. Nhà vua ra lệnh người trong thôn phải dâng nước trong lành đó lên vua. Người trong thôn khổ nhọc đều muốn tránh xa khỏi thôn này. Lúc đó vị trưởng thôn bảo với mọi người : Các ông chớ đi! Tôi sẽ vì các ông tâu lên vua, đổi năm do tuần thành ba do tuần, để các ông được gần hơn mà qua lại không khổ nhọc. Nói xong liền đến tâu vua như thế, nhà vua đổi lại còn ba do tuần, mọi người rất vui mừng. Có người nói: Trước là năm do tuần thì sau cũng không có gì khác cả. Mọi người khi nghe lời nói này nhưng vẫn tin vào lời của nhà vua, nên quyết định không đi. Người đời cũng vậy, tu tập chánh pháp, thoát khỏi năm đường hưởng đến Niết bàn mà tâm sanh mệt mỏi liền muốn xả bỏ, mau chóng rơi vào đường sanh tử không thể tiến lên. Như Lai là vua của các pháp, có phương tiện vĩ đại ở nơi Nhất thừa mà phân biệt nói thành ba. Người Tiểu thừa nghe

(ba thừa) thì vui mừng, vì dễ thực hành, tu tập việc lành, siêng năng cầu phước mau thoát khỏi sanh tử. Lại nghe người nói không có ba thừa chỉ là một thừa, nhưng chỉ tin vào lời dạy của Như Lai nên quyết không xả bỏ, như người ở thôn kia cũng vậy.

Lại trong kinh Hoa nghiêm dạy:

Này Phật tử! Ví như mặt trời mọc, trước tiên chiếu tất cả các đỉnh núi vua lớn, tiếp đến chiếu soi tất cả núi lớn, rồi chiếu đến núi báu kim cương, sau đó mới chiếu cùng khắp đại địa. Ánh sáng mặt trời không tự nghĩ: Trước tiên ta nên chiếu đến đỉnh của các núi vua lớn, rồi cứ tuần tự chiếu khắp cả mặt đất, nhưng chỉ vì đất của các núi kia có cao thấp, nên ánh sáng chiếu đến có trước và sau. Như Lai bậc Ứng cúng đẳng Chánh giác cũng như vậy, thành tựu vầng mặt trời trí tuệ trong vô lượng vô biên pháp giới, nên thường phóng ra vô số ánh sáng trí tuệ vô ngại. Trước tiên chiếu đến đỉnh núi vua lớn chư Bồ tát, rồi chiếu đến các bậc Duyên giác, Thanh văn, và các chúng sanh đã có căn lành, tùy theo ứng thân mà thọ nhận sự giáo hóa, cuối cùng chiếu đến tất cả chúng sanh, cho đến người tà định, để làm lợi ích cho đời vị lai. Ánh sáng mặt trời trí tuệ của Như Lai không tự nghĩ: Trước tiên ta phải chiếu đến Bồ tát, rồi cuối cùng đến người tà định mà chỉ phóng ánh sáng của mặt trời trí tuệ chiếu cùng khắp tất cả.

Này Phật tử! Ví như mặt trời, mặt trăng xuất hiện ở thế gian, cho đến những núi sâu hang thẳm, không chỗ nào mà ánh sáng không chiếu đến. Mặt trời, mặt trăng trí tuệ Như Lai cũng vậy, soi khắp nơi, không chỗ nào mà không sáng tỏ, chỉ vì căn lành hiếm hoi của chúng sanh không đồng nên ánh sáng trí tuệ của Như Lai chiếu đến không đồng.

Lại trong kinh Niết bàn dạy: Người xa lìa bốn pháp mà được chứng Niết bàn, điều này không thể có. Những gì là bốn? Một là gần gũi bạn tốt. Hai là chuyên tâm nghe pháp. Ba là buộc niệm tư duy. Bốn đúng như pháp tu hành. Vì nghĩa lý này nên do nghe pháp mà được gần gũi Đại-bát Niết bàn. Vì sao? Vì trước khai mở mắt pháp. Trong đời có ba hạng người: Người thứ nhất không có mắt. Người thứ hai chỉ một mắt. Người thứ ba đủ hai mắt. Cho rằng, người không có mắt thường không nghe pháp. Người một mắt tuy tạm nghe pháp nhưng tâm họ không an trú. Người hai mắt là chuyên tâm nghe pháp, thọ trì đúng như vậy. Vì nghe pháp nên biết được thế gian, như vậy là ba người.

Thứ 5: Nhân duyên cầu pháp

Như trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Phật pháp rộng lớn, cứu độ vô

cùng, nếu chí tâm cầu đạo thì gặt hái được kết quả, cho đến cưỡi đờ phước đức cũng không hao tổn. Như xưa có một Tỳ-kheo già, tuổi đã lớn, tinh thần lắm cảm, thấy các Tỳ-kheo nhỏ thuyết nhiều pháp, nghe nói về bốn quả vị, tâm quá mong muốn, bảo với Tỳ-kheo trẻ tuổi: Các thầy trí tuệ thông suốt, nguyện xin để cho tôi bốn quả. Các Tỳ-kheo trẻ tuổi ngây ngô nói: Chúng tôi có bốn quả, cần được thức ăn ngon, nhưng về sau sẽ cùng chia. Lúc ấy Tỳ-kheo lớn tuổi nghe nói như vậy, vui mừng liền đưa đến các thức ăn ngon, mời các Tỳ-kheo trẻ tuổi để cầu xin bốn quả. Các Tỳ-kheo trẻ ăn thức ăn đó rồi, lại chỉ tay đờ cột, với Tỳ-kheo già: Đại đức! Thầy hãy ngồi đầu ở một góc nhà này thì sẽ ban cho quả ấy. Bấy giờ Tỳ-kheo già nghe như vậy rất vui mừng nghe theo lời nói ấy mà ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ liền dùng quả cầu da đánh vào đầu Tỳ-kheo già nói: Đây là quả Tu-đà-hoàn. Vị Tỳ-kheo lớn tuổi nghe rồi buộc niêm, không tán loạn, liền chứng Sơ quả. Các Tỳ-kheo trẻ lại đờ cột nói: Tuy đã cho thầy quả vị Tu-đà-hoàn nhưng ở quả vị này vẫn còn bảy lần sanh tử, thầy hãy lại ngồi một góc thì sẽ cho thầy quả vị Tư-đà-hàm kế tiếp. Bấy giờ vị Tỳ-kheo già đã được Sơ quả nên tâm tinh tấn càng tăng lại đến ngồi. Các thầy Tỳ-kheo trẻ lại dùng quả cầu da, đánh vào đầu và nói: Cho quả vị thứ hai. Lúc đó vị Tỳ-kheo già càng chuyên tâm, liền chứng quả vị thứ hai. Các Tỳ-kheo trẻ lại đờ cột nói: Hôm nay, thầy đã đắc quả vị Tư-đà-hàm nhưng còn qua lại khổ nạn sanh tử, thầy lại đến ngồi tôi sẽ cho thầy quả vị A-na-hàm. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo già đến chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh vào đầu mà nói: Hôm nay, tôi sẽ cho quả vị thứ ba. Lúc đó vị Tỳ-kheo già nghe rất vui mừng, càng chí tâm gấp bội liền chứng quả A-na-hàm. Các Tỳ-kheo trẻ lại đờ giỡn nói: Hôm nay, thầy đã chứng quả Bất hoàn, nhưng còn ở trong cõi sắc và vô sắc, phải chịu thân hữu lậu, mỗi niệm vô thường, biến hoại luôn khổ, thầy hãy đến ngồi, tôi sẽ cho quả vị A-la-hán. Bấy giờ, vị Tỳ-kheo già đến chỗ ngồi, các Tỳ-kheo trẻ lại dùng quả cầu da đánh vào đầu mà nói: Hôm nay, tôi cho thầy quả vị thứ tư. Lúc ấy vị Tỳ-kheo già nhất tâm tư duy, liền chứng quả vị A-la-hán. Chứng được bốn quả vị rồi, tâm thật vui mừng, làm các thức ăn ngon đủ loại, hương hoa mời các Tỳ-kheo trẻ, đến để báo đáp ân đức đó và cùng nhau bàn luận về công đức vô lậu của các quả vị. Những vị Tỳ-kheo trẻ nói lời lúng túng. Vị Tỳ-kheo già nói: Tôi đã chứng quả vị A-la-hán rồi. Các thầy Tỳ-kheo trẻ nghe vậy, đều cùng nhau xin sám hối tội lỗi đờ giỡn trước kia. Thế nên hành giả tu tập cần nên nhớ nghĩ điều lành, cho đến đờ giỡn cũng được phước báo chân thật, hướng nữa chí tâm.

Lại trong kinh Tạp Bảo Tạng dạy: Xưa có một người con gái, thông minh trí tuệ, có đức tin Tam bảo sâu xa, thường cung thỉnh Tăng chúng theo thứ tự. Có một vị Tỳ-kheo đến nhà cúng dường. Sau một thời gian có Tỳ-kheo lớn tuổi theo thứ lớp đến nhà cô gái. Tỳ-kheo lớn tuổi này căn tánh thấp kém, ít hiểu biết. Khi thọ trai xong cô gái chí tâm cần cầu thỉnh thầy thuyết pháp, trải tòa cúi đầu, ngồi nhắm mắt yên lặng. Vị Tỳ-kheo biết mình không thể thuyết giảng pháp được, bèn thừa cơ hội cô nhắm mắt bỏ chạy về chùa. Nhưng cô gái này cố tâm tư duy về Vô thường Khổ Không, sự chẳng tự tại của pháp Hữu vi. Với tâm quán sát thâm sâu, cô ta liền chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, đắc quả vị rồi, hưởng đến chùa cầu tìm, muốn báo đáp ơn vị Tỳ-kheo. Nhưng vị Tỳ-kheo này thật không biết nên bỏ chạy đi nơi khác, tâm luôn xấu hổ gấp bội. Lại trốn vào chỗ kín mà không biết cô ấy khổ tâm tìm cầu. Tìm không được, vị Tỳ-kheo mới xuất hiện, cô gái thấy rồi liền trình bày đầy đủ những nhân duyên mê muội của thầy, nên đắc được đạo quả, dâng vật cúng dường báo ân. Vị Tỳ-kheo lớn tuổi nghe xong quá xấu hổ nên ra sức tự khắc phục những sai trái, sau cũng chứng được quả Tu-đà-hoàn. Vậy nên hành giả cần phải siêng năng chí tâm cần cầu giáo pháp. Nếu người chí tâm thì sự mong cầu chắc chắn thành tựu.

Lại trong kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội dạy: Xa xưa ở đời quá khứ A-tăng kỳ kiếp, có một vị Tiên nơn, tên là Tối Thắng, trú trong núi rừng đủ năm thân thông, thường tu tập tâm từ. Sau đó suy nghĩ: Không chỉ có tâm từ mới có thể cứu độ chúng sanh mà còn phải hiểu biết rộng mới có thể diệt trừ những tà kiến phiền não của chúng sanh mới phát sanh chánh kiến. Nghĩ như vậy, liền đi đến thành ấp xóm làng, tìm cầu thầy thuyết pháp khắp mọi nơi. Lúc đó, có vị Thiên ma đến bảo Tiên nơn: Hôm nay, ta thuyết giảng một bài kệ của Đức Phật, nếu ông có thể lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút, sao chép kệ này thì ta sẽ giảng thuyết cho ông. Vị Tiên nơn Tối Thắng nghe như vậy, liền nghĩ: Ta ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp thường không dùng có việc gì vì người khác mà dứt bỏ để chịu khổ sở vô cùng đều không được lợi ích. Hôm nay, ta sẽ nhẹ nhàng xả bỏ thân giả tạm để được pháp vi diệu thì rất vui mừng, liền dùng dao bén lột da làm giấy, chích máu làm mực, chẻ xương làm bút, chấp tay hướng lên trời cầu xin thuyết kệ của Phật. Lúc ấy, Thiên ma thấy rồi, buồn rầu tiêu tụy liền bỏ trốn đi. Vị Tiên nơn thấy nói: Hôm nay, ta vì pháp mà không tiếc thân mạng lột da làm giấy, chẻ xương làm bút, chích máu làm mực, chỉ vì chúng sanh nên nguyện chí thành không hư dối, thế giới phương khác

có lòng từ bi lớn, nếu có người thuyết pháp xin hiện trước mặt con. Khi đang cầu nguyện ở phương Đông cách đây ba mươi hai cõi, có cõi Phật tên Phổ Vô Cấu, cõi đó có Phật hiệu là Tịnh Danh Vương, bỗng đứng trước mặt Tiên như, phóng hào quang lớn, chiếu sáng thân Tối thắng, những thống khổ liền được tiêu trừ, thân bình phục như thường. Đức Phật liền thuyết kinh Tập Nhất Thiết Phước Đức Tam Muội cho Tiên như Tối Thắng, nghe pháp liền chứng Vô ngại biện. Đức Phật thuyết pháp rồi, thu lại không hiện nữa. Tiên như Tối Thắng được biện tài, lại thuyết pháp vi diệu cho chúng sanh khiến vô lượng an trú vào đạo tam thừa. Trải qua một ngàn năm sau mới qua đời, sanh vào nước Phổ Vô Cấu của vua Tịnh nhân, do cung kính pháp nên nay thành Phật. Đức Phật bảo Tịnh Oai: Vị Tiên như Tối-thắng xưa kia nay chính là thân Ta. Vì thế nên biết, nếu có người nào cung kính mong cầu pháp thì chớ Phật vì người này mà không vào Niết bàn, pháp cũng không tiêu diệt. Tuy ở cõi khác nhưng thường gặp chư Phật được nghe chánh pháp.

Lại cho là: Khi có đạo thế tục học hành ít ỏi, nhận thức yếu kém, nghĩa là trí có hơn người nhưng muốn tu học mà không chuyên về nội điển, chỉ đam mê sách vở thế tục, kinh điển ngoại đạo, nên trong kinh Niết Bàn Đức Phật dạy: Có đệ tử Thanh-văn mê mờ phá giới, ưa tranh chấp bỏ mười hai bộ kinh, đọc tụng các sách vở thế tục, kinh điển ngoại đạo, biên chép cất giữ tất cả những vật bất tịnh, rồi cho rằng: Đó là lời Đức Phật dạy. Đây những người dùng gỗ Chiên đàn tốt đổi lấy gỗ tạp thường, dùng vàng đổi vật giống vàng hay đá, dùng bạc đổi thành bạc lạp, dùng lụa tốt đổi lấy vải thô, dùng nước cam lồ đổi nước độc hại.

Lại nữa, luận Bà-sa dạy: Như người quán sát mắt mặt trời không sáng tỏ, luận bàn theo sách vở ngoại đạo để tư duy tìm cầu thì khiến được tuệ nhãn chăng? Rõ như người quán sát mắt của mặt trăng thì sáng rõ. Khi luận bàn về pháp của Phật thì được mắt trí tuệ sáng tỏ, còn ngoại đạo tư duy tìm cầu về thế tục thì như đánh con khỉ chỉ xuất ra thứ bất tịnh. Nếu tư duy tìm cầu pháp Phật thì như luyện vàng ròng càng tôi luyện càng sáng.

Trong kinh Bồ Tát Thiện Giới dạy: Bồ tát không đọc tụng chánh kinh của Như Lai mà đọc tụng kinh sách của thế tục, lại đọc chú sớ thì bị tội mà không phạm giới, nếu vì luận nghĩa để phá trừ tà kiến; nếu hai phần kinh Phật, một phần sách vở ngoại đạo. Vì sao? Vì biết sách của ngoại đạo thì hư dối, pháp Phật là chân thật. Vì muốn biết những việc ở đời nên không để người thế tục xem thường ngạo mạn nên dùng văn từ này để chứng minh. Nếu người học pháp Phật chỉ một mực tìm

cầu bên ngoài bỏ phước nội điển thì liền bị tội. Dấu hiệu rõ nghĩa lý mà chỉ tạm tu hành và vì để điều phục ngoại đạo cũng còn nên xa lìa, tinh tấn tu tập thực hành giáo pháp để thắng vượt. Nếu đam mê nghiêng lệch một hướng thì hư hoại chánh pháp, nên trong luận Địa-trì dạy: Nếu Bồ tát đối với lời Phật dạy mà xả bỏ không tu, trái lại huân tập theo kinh điển, thế tục tà luận ngoại đạo. Đó gọi là phạm. Chúng sanh phạm nhiều là phạm do khởi tâm ô nhiễm, nếu người thông minh thì học tập nhanh chóng được trí tuệ không lay động. Mỗi ngày thường học pháp Phật hai phần, các sách ngoại đạo một phần. Đây gọi là không phạm. Nếu đối với sách vở tà giáo ngoại đạo của thế tục mà ưa thích, không xả bỏ ngay cả ý nghĩ. Đây gọi là phạm, chúng sanh phạm nhiều là phạm do khởi tâm ô nhiễm.

Thứ 6: Cảm nhân duyên phước đức

Như trong kinh Phổ-diệu dạy: Nếu có người hiền nghe kinh điển này, chấp tay tự quay về, tức đã xả bỏ tám việc biếng nhác vốn có thì thành tựu tám công đức. Những gì là tám? Một là sắc diện đoan chánh. Hai là được thế lực mạnh mẽ. Ba là quyến thuộc sum vầy. Bốn là đạt được vô lượng biện tài. Năm là học tập nhanh chóng và được xuất gia. Sáu là tu hành thanh tịnh. Bảy là chứng được định Tam muội. Tám là được trí tuệ thông minh, suốt thấu tất cả. Nếu có Pháp sư thì trải tòa đọc tụng kinh này sẽ được tám tòa phước. Những gì là tám? Một là được tòa Trưởng giả. Hai được tòa của vua Chuyển luân. Ba là được tòa của Thiên-đế. Bốn là được tòa của Tự-tại-thiên. Năm là được tòa của A-la-hán. Sáu là được tòa của Bồ tát. Bảy là được tòa của Như lai. Tám là được tòa của vị Chuyển pháp luân cứu độ tất cả chúng sanh. Nếu có Pháp sư tuyên dương pháp này mà khen ngợi: Lành thay! Sẽ được tám hành thanh tịnh. Những gì là tám? Một là lời nói và việc làm tương ứng không trái nhau. Hai miệng nói chân thật không hư dối. Ba là đối với chúng Tăng thành thật không lừa dối. Bốn là lời nói được người tin nhận không từ bỏ. Năm là lời nói nhu hòa không thô lỗ hung ác. Sáu là tiếng nói hòa nhã như tiếng chim phượng ngọt ngào. Bảy là thân tâm tùy thời, âm thanh như Phạm thiên, mọi người trong chúng lắng nghe chứ không nói chuyện. Tám là âm vang như Đức Phật làm vừa lòng chúng sanh. Nếu có viết chép kinh điển thì được tám kho tàng lớn. Những gì là tám? Một là được cả kho tàng ý chưa từng quên mất. Hai là được kho tàng tâm, hiểu rõ phân minh tất cả kinh pháp. Ba là được qua lại khắp trong kho tàng, hiểu rõ tất cả kinh pháp chư Phật. Bốn là được kho tàng tổng

trì, nên những điều được nghe đều có thể hiểu và nhớ. Năm là được kho tàng biện tài, để giảng thuyết kinh pháp cho chúng sanh, khiến cho họ đều vui vẻ thọ nhận. Sáu là được kho tàng pháp thâm sâu, hộ trì chánh pháp. Bảy là được kho tàng pháp đạo ý, chưa từng đoạn dứt giáo pháp Tam bảo. Tám là được kho tàng phụng hành pháp, liền thấu đạt nhãn vô sở tùng sanh.

Lại kinh Độ Vô Cực Tập dạy: Xưa có một Tỳ-kheo tinh tấn giữ gìn pháp, thích đọc tụng kinh Bát-nhã-ba-la-mật, mọi người nghe đều vui thích. Có một trẻ nhỏ khoảng bảy tuổi, ở ngoài thành chặn dê, từ xa nghe tiếng tụng kinh của Tỳ-kheo liền đến tinh xá lễ bái, nghe lời kinh đó đang nói về sắc, không, nghe xong liền ngộ giải, liền hỏi vị Tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo đáp: Chẳng thể.

Tiểu nhi vì Tỳ-kheo mà thuyết giải nghĩa này, việc này thật hiếm thấy. Tiểu nhi thật khác thường, trí tuệ phi phạm. Lúc ấy, tiểu nhi liền chạy theo đàn bò xuống núi, gặp một con hổ đã sát hại cậu bé. Sau khi qua đời sanh vào nhà trưởng giả, phu nhân mang thai, thường siêng năng tụng kinh Bát-nhã-ba-la-mật từ sáng đến đầu đêm. Trưởng giả thấy phu nhân khác thường nên cho là bệnh ma quỷ. Khi ấy, có Tỳ-kheo đến nhà, nghe tiếng tụng liền rất vui mừng và bảo: Đây chẳng phải là bệnh ma quỷ mà là tụng kinh Phật. Phu nhân ra lễ bái, vị Tỳ-kheo thuyết pháp cho phu nhân, các nghi nạn khó hiểu đã được giải thích tường tận, chúng tăng vui mừng. Khi đã đủ ngày tháng sanh được một nam nhi, vừa chào đời liền quỳ gối, chấp tay, giảng thuyết kinh Ba-la-mật. Phu nhân sanh rồi trở lại như xưa. Vị Tỳ-kheo bảo: Đây là đệ tử chân chánh của Phật, hãy nuôi dưỡng bảo vệ cho tốt, đứa trẻ này sau khi lớn sẽ làm thầy tất cả mọi người. Chúng ta cũng đều sẽ thọ nhận lời dạy của vị này. Khi đứa trẻ được bảy tuổi pháp đạo hoàn hảo hơn hẳn mọi người, trí tuệ vô biên, ngộ giải kinh điển. Cậu bé thường đến các nơi để giáo hóa mọi người. Nhà trưởng giả có đến năm trăm người, lớn nhỏ đều theo vị ấy học tập, tám vạn bốn ngàn người đều phát tâm đạo vô thượng Chánh giác và năm trăm vị Tỳ-kheo nghe thuyết pháp đều hiểu rõ, diệt trừ hết lậu, mong cầu Đại thừa chứng đắc pháp nhãn thanh tịnh. Vị ấy lúc đó nay chính là thân Ta, Tỳ-kheo chính là Phật Ca Diếp.

Trong kinh Xá Lợi Phất Xứ Thai dạy: Thân mẫu của Xá Lợi Phất lúc mang thai rất thông minh. Sách cao Tăng truyện dạy: Thân mẫu của ngài La Thập lúc mang thai cũng rất thông minh, trước đó đã tụng cả ngàn bài kệ, lúc mang thai, mỗi ngày đã tụng hai ngàn bài kệ, mới

thành quả vị Tu-đà-hoàn, sau đó mới chứng đắc quả Tư-đà-hàm.

Trong kinh Như Thắng Thiên vương dạy: Nếu có Pháp sư nào lưu truyền kinh này ở đâu thì nơi đó là chỗ thành đạo của Như lai. Đối với Pháp sư đó phải xem như thiện tri thức, cung kính như Phật, thấy Pháp sư này phải tôn trọng, cung kính, vui mừng tán thán. Lại nói, nếu Ta ở đời một kiếp hay chưa đến một kiếp mà thuyết giảng thông kinh này thì công đức không thể cùng tận, đây là nơi hành đạo của Pháp sư này.

Này thiện nam, thiện nữ! Hãy nên chích máu rưới xuống đất để bụi trần không tung bay, cúng dường như vậy cũng chưa phải là nhiều. Pháp vi diệu của Như Lai mới khó có thể thọ trì.

Như kinh Niết bàn dạy: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe tên kinh này mà sanh trong bốn đường ác thì không có điều đó xảy ra. Nếu có chúng sanh chỉ một lần nghe kinh thì có thể diệt trừ các tội báo ác nghiệp Vô gián. Lại nói, nếu có chúng sanh chỉ một lần nghe kinh, về sau bảy kiếp cũng không rơi vào đường ác. Lại nói nếu có thể biết Như Lai thường trú không biến đổi, hoặc nghe hai tiếng thường trú, hoặc một lần nghe kinh liền sanh lên cõi trời. Sau khi được giải thoát mới chứng biết được Như Lai thường trú không biến đổi.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: Nếu nghe một câu kệ mà chưa từng nghe pháp vẫn được trân báu tốt đẹp trong ba ngàn đại thiên thế giới. Bồ tát nghe được một bài kệ chánh pháp mà sanh tưởng về tài sản vô thượng thì được quả vị thù thắng vua Chuyển luân Thánh vương.

Lại kinh Pháp Hoa dạy: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì kinh Pháp Hoa hoặc đọc tụng giảng thuyết hay biên chép thì người ấy sẽ được tám trăm công đức nơi mắt, một ngàn hai trăm công đức nơi tai, tám trăm công đức nơi mũi, một ngàn hai trăm công đức lưỡi, tám trăm công đức nơi thân, một ngàn hai trăm công đức nơi ý.

Kinh Niết bàn dạy: Sau khi Ta nhập Niết bàn, nếu có người nghe kinh điển Đại thừa vi diệu này mà phát sanh tâm tin kính, phải biết người này ở trong muôn ngàn ức kiếp đời vị lai không rơi vào đường ác. Lại nói, nếu có người nào đối với một hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác mà không hủy báng pháp này, ưa thích kinh điển nhưng không thể giảng thuyết phân biệt cho người khác. Nếu có người đối với hai hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vẫn không hủy báng pháp này, hiểu nghĩa chân chánh, ưa thích thọ trì đọc tụng cũng không thể giảng thuyết cho người khác. Nếu có ai đối với ba hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vẫn không hủy báng pháp này, cho đến sao chép

kinh điển, chỉ vì người khác thuyết giảng nhưng chưa hiểu sâu nghĩa lý. Nếu có người đối với bốn hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vẫn không hủy báng pháp này, cho đến sao chép kinh điển, chỉ vì người khác giảng thuyết nghĩa lý một trong mười sáu phần. Nếu có người đối với bốn hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vì người giảng thuyết nghĩa lý tám trong mười sáu phần. Nếu có người đối với sáu hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vì người mà giảng thuyết nghĩa lý mười hai phần trong mười sáu phần. Nếu có người đối với bảy hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, sau đó có thể ở trong đường ác vì người mà giảng thuyết nghĩa lý mười bốn trong mười sáu phần. Nếu có người đối với tám hằng hà sa Đức Phật mà phát tâm, cho đến có thể ở trong đường ác sao chép kinh điển, khuyến khích người khác biên chép, tự mình lãnh thọ, dạy bảo người khác khiến cho họ hiểu rõ như pháp mà tu hành thọ trì, thì có thể thông tỏ tất cả nghĩa lý kinh điển.

Thứ 7: Duyên báo ân

Trong kinh Thiện-cung-kính dạy, Đức Phật bảo A Nan: Nếu có người nghe bài kệ bốn câu từ người khác hoặc sao chép trên tre lụa tất cả danh tự thì người ấy ở trong bao nhiêu kiếp đều được làm Hòa thượng, A-xà-lê gánh vác trọng trách. Hoặc gặp thời ngang trái, hoặc đảm nhận công việc để làm, lại đem tất cả nhạc cụ để cúng dường thầy. Những việc làm như vậy tự mình còn không thể báo ân đầy đủ. Nếu đời vị lai, đối với Hòa thượng mà tâm không cung kính, thường xét tìm lỗi. Ta cho rằng người đó ngu si sẽ chịu nhiều khổ não, ở đời vị lai chắc chắn rơi vào đường ác. Vì thế A Nan! Ta thường dạy các thầy nên thực hành cung kính, tôn trọng thì sẽ được pháp tối thắng như vậy, đó là tôn kính pháp sâu xa Tam bảo.

Kinh Phạm-võng dạy: Nếu là Phật tử mà thấy Pháp sư Đại thừa cùng gặp, cùng đi đến tăng phòng, thôn xóm, hoặc đến từ trăm dặm liền ngàn dặm phải tiếp đón đưa rước, lễ bái cúng dường, mỗi ngày dâng cúng ba thời. Giá sử mỗi ngày mất hết hai ba lạng vàng cho đến trăm vị thức ăn uống, giường nằm để cúng dường pháp sư, tất cả cần phải cúng dường đầy đủ, thường thỉnh Pháp sư thuyết giảng ba thời; Mỗi ngày lễ bái ba lần vẫn không sân giận, bực tức nhờ pháp diệt trừ, tự mình thỉnh pháp, nếu không như vậy phạm tội khinh cấu.

Trong kinh Ưu-bà-tắc giới dạy: Nếu Ưu-bà-tắc đã thọ trì sáu giới trọng, nghe có nơi giảng pháp cách bốn mươi dặm mà không đến nghe

thì phạm tội thất ý.

Lại kinh Đại Phương Đẳng Đà-la-ni dạy, Đức Phật bảo A Nan: Nếu có cha mẹ, vợ con, mà không cho người này đến đạo tràng thì người ấy đến trước cha mẹ đốt hương, quỳ gối chấp tay thưa: Hôm nay, con muốn đến đạo tràng, xin cha mẹ thương tưởng cho phép, cũng nên tùy thời thuyết pháp cần phải thưa thỉnh ba lần. Nếu không được chấp nhận thì người này vào trong phòng yên tĩnh, suy nghĩ, đọc tụng thọ trì kinh điển. Lại kinh Chánh-pháp-niệm dạy: Nếu người cúng dường Pháp sư thuyết pháp, nên biết người ấy cúng dường Thế tôn ở hiện tại. Người như thế, tùy theo sự cúng dường mà nguyện cầu được thành tựu, chứng đắc quả Bồ-đề, do cúng dường pháp sư. Tại sao nhờ nghe pháp mà tâm được điều phục? Vì điều phục nên đoạn trừ mê mờ lưu chuyển, nếu xa lìa sự nghe pháp thì không có pháp nào điều phục tâm.

Kinh Thắng Tư Duy dạy: Nếu không tạo nghiệp tội hay phước, không gây nghiệp vô động, đó là cúng dường Đức Phật.

Kinh HoaThủ dạy: Nếu đem những thứ hương hoa, y áo, thức ăn, thuốc thang cúng dường chư Phật thì không gọi là cúng dường chân thật. Ngồi đạo tràng của Như lai, đắc pháp vi diệu, tùy theo năng lực tu học gọi là cúng dường chân thật, nói kệ:

*Nếu đem bột hương hoa
Y phục và thuốc thang
Để cúng dường chư Phật
Không gọi cúng chân thật.
Ngồi đạo tràng Như Lai
Đắc được pháp vi diệu
Người có thể tu tập
Cúng dường Phật chân thật.*

Lược Thập Trụ Bà Sa dạy: Đức Phật bảo A Nan: Trời mưa hương hoa không gọi là cúng dường tôn kính Như lai. Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nhất tâm không buông lung, gần gũi tu tập pháp của bậc Thánh. Đó là cúng dường Phật chân thật.

Kinh Bảo Vân dạy: Không nên đem tài sản cúng dường Đức Phật. Vì sao? Vì pháp thân Đức Phật không nhận những tài vật cúng dường, chỉ dùng pháp thí mới là cúng dường Phật, vì Phật đạo mà dùng pháp cúng dường là pháp cúng dường tối đệ nhất.

Kinh Thiện Cung Kính, Đức Phật dạy: Nếu Tỳ-kheo tuy có tuổi hạ, nhưng không thể ở chỗ vắng lặng, không hiểu rõ một câu pháp, vị ấy phải y chỉ người khác. Vì sao? Vì mình còn không hiểu huống nữa muốn

làm thầy cho người khác y chỉ. Giả sử Tỳ-kheo lớn đã được trăm tuổi hạ mà không thông rõ việc của Sa-môn, không tường tận pháp luật thì cũng phải thuyết y chỉ. Nếu có Tỳ-kheo lãnh thọ pháp của người, nên ở một bên vị thầy ấy cần khởi lòng cung kính tôn trọng. Khi muốn lãnh thọ pháp phải đến trước thầy, không được đùa cười xem thường, không được để bày rãng, không được cùng đi, không được nhìn chân, không được động chân, không được giẫm đạp, thầy không hỏi thì chớ tiếp lời, thầy có sai bảo điều gì không được trái lời, chớ nhìn vào mặt thầy, phải cách thầy ba khuỷu tay, thầy bảo ngồi mới ngồi chớ trái lời thầy dạy, đối với thầy nên khởi tâm cung kính. Nếu có việc gì nghi ngờ nên thưa trước hỏi, nếu thầy cho phép sau đó mới thưa thỉnh, phải biết một ngày ba lần đến hầu thăm. Nếu trong ba thời gian không đến thăm hỏi thì thầy nên như pháp trị tội, đến thăm thầy không thấy thì nên cầm một viên đất, hay một nhánh cây, hay một ngọn cỏ để làm chứng. Nếu thấy thầy ở trong phòng tu học thì nên phát tâm nhiễu quanh phòng ba vòng, hướng về thầy đánh lễ, rồi trở về, nếu không thấy thầy, việc chúng phải dừng, ngoại trừ đại tiểu tiện. Lại nữa, đệ tử trước thầy không được nói lời thô, thầy có quở trách cũng nên im lặng. Nếu thầy ngồi, nằm thì trước nên lau chùi sạch sẽ, không còn rận rệp... Nếu khi thầy ngồi nằm cho đến lúc đứng dậy, đệ tử tu tập, đọc tụng. Khi có người khác đến tham học từ phương Đông đến thầy, khéo biết đúng thời nhiều lần đến bên thầy thưa hỏi những việc cần: Con nên làm những gì? Lại nữa, đệ tử trước thầy không được khạc nhổ, nếu vào chùa nên cung kính thầy, chớ dùng ca sa phủ kín vai, không được trùm kín đầu. Khi trời nắng mỗi ngày hầu quạt thầy ba lần, ba lần dâng nước thầy tắm rửa, ba lần dâng nước mát để uống. Thầy có việc Phật sự nên đem hết năng lực phụ giúp thầy. Đức Phật bảo A Nan: Nếu đời vị lai có các Tỳ-kheo, ở với thầy mà không cung kính, lại nói những điều hay tạt xấu của thầy, thì người này chẳng phải là vị Tu-đà-hoàn, cũng chẳng phải là phàm phu, người ngu si này cần phải trị phạt. Thầy thật sự có lầm lỡ cũng không được nói, huống nữa không có. Nếu có Tỳ-kheo bên thầy mà không cung kính, Ta cho rằng sẽ rơi vào một địa ngục nhỏ riêng gọi là Chùy phát, ở đó làm một thân có bốn đầu, thân thể như thế, tướng trạng như đồng lửa phát ra, lửa mạnh dữ dội không dứt, rồi trở lại như cũ. Ở địa ngục này lại có nhiều côn trùng, gọi là Câu chủ, các loại trùng độc hại đó thường ăn bằng lưỡi. Khi người ngu đó từ bỏ thân này sanh làm súc sanh, là do từ xưa đã hủy nhục thầy, tội lỗi của lưỡi nên thường bị ăn phân dơ. Khi xả bỏ thân này, tuy sanh vào cõi đời thường ở nơi quê mùa, đầy đầy pháp

xấu ác. Tuy làm thân người mà da dẻ không giống người, không đầy đủ hình sắc của người, thường bị xem thường chê bai, nhục mạ, xa lìa Phật Thế tôn, không có trí tuệ. Từ đây mà chết lại rơi vào địa ngục càng bị vô lượng, vô biên hình phạt khổ não.

Thứ 8: Duyên hủy báng pháp

Nghĩ về đời mạng pháp, con người thường chạy theo sự sai lầm, đọa tục lẫn lộn, những sai lầm và chân thật trà trộn lẫn nhau, không tu tập nội điển, chuyên đọc kinh thế tục, dấu có sao chép mà tâm chẳng tha thiết, đã không giữ gìn sự trong lắng mà lại gây ra nhiều sai lầm, cùng nhau ngủ nghỉ, hoặc ở nơi cửa hiên nhà, mưa gió côn trùng cắn rủa cũng không kinh sợ. Cứ trải qua công sức như thế mà chẳng có công đức linh nghiệm gì, đọc tụng mà chẳng có lợi ích cứu khổ, thật là do làm mà không ân cần, cũng do nhân, ngã, kiêu mạn. Trong kinh Kính Lễ dạy: Này thiện nam! Trải qua pháp sanh sống là quan trọng thứ hai không được đảo lộn, nếu vậy thì trong năm trăm đời bị rơi vào chỗ mê mờ tối tăm, không được nghe chánh pháp.

Kinh Đại Tập dạy: Nếu có chúng sanh ở đời quá khứ tạo các nghiệp ác, hoặc phá hủy giáo pháp, hay chê bai Thánh nhân, làm chướng ngại đối với người thuyết pháp, hoặc sao chép kinh pháp mà bỏ mất văn từ chữ nghĩa, hoặc làm tổn hoại pháp khác, hoặc giấu kín kinh khác. Do tạo các duyên này, hôm nay bị quả báo mù.

Kinh Đại Bát Nhã Đức Phật dạy: Này các thiện nam, thiện nữ! Nếu khi ghi chép kinh Bát-nhã-ba-la-mật-đa sâu xa mà hiện tướng nhăn nhó, ngáp, cười đùa không đứng đắn, cùng nhau xem thường, thân tâm nao động rối loạn, câu văn lẫn lộn, nghĩa lý mù mờ chẳng tăng thêm pháp vị, bất chợt phát khởi viết chép cũng không xong, phải biết đây là ma sự của Bồ tát.

Kinh Đại Thừa Liên Hoa dạy: Thọ trì cấm giới của Phật mà tương lai không hộ trì, mỗi lời nói của Ta, đối với pháp Đại thừa cũng như đêm tối, mỗi một đều tự nói: Ta được pháp Phật, thế mà chịu khổ ở địa ngục Thiết-thương. Sự việc này khó nói được, từ khi ra khỏi địa ngục lại làm người mù điếc câm ngọng, không thấy Chánh pháp.

Luận A Nan thỉnh giới luật dạy: Tăng ni, cư sĩ do đọc tụng Kinh Luật Luận, tay cầm kinh sách mà nói năng thì phạm tội trọng Đốt-cát-la dựa theo số năm của cõi trời Đao lợi mà nhận chịu quả báo trong hai ức năm, đọa vào loài hươu nai, thường bị thống khổ khốc liệt gấp bội, khó nhẫn chịu. Khi cầm kinh luật luận nói cười không ghi nhớ cũng chịu

quả báo như trước. Hoặc đặt kinh tượng trong phòng, trước hiên giảng đường phạm tội Đột-cát-la tám trăm năm theo số năm ở cung trời Đao lợi chịu quả báo trong hai ức năm, đọa vào loài heo chó. Nếu được sanh làm người trong một ức năm thường làm khách thay đổi mãi không được tự do.

Kinh Đại Phẩm dạy: Người chê bai Nhất thiết trí chư Phật trong ba đời, phát khởi, tích tập các nhân duyên, nghiệp phá hoại Phật pháp nên bị đọa vào địa ngục lớn trong vô lượng trăm nghìn vạn ức năm, những người hủy hoại Chánh pháp này từ trong địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác. Nếu khi kiếp hỏa sanh khởi thì lại đến địa ngục phương khác, từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác mà sanh sống trong đó. Nếu khi kiếp hỏa phát khởi lại đến sống ở địa ngục ở phương khác. Từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác, cứ lưu chuyển mãi trong các địa ngục mười phương. Ở đó nếu gặp kiếp hỏa sanh khởi thì khi chết rồi nhưng nghiệp nhân duyên phá chánh pháp vẫn chưa chấm dứt, lại đến sống trong địa ngục lớn, từ địa ngục lớn này đến địa ngục lớn khác chịu vô lượng khổ. Ở trong kiếp hỏa sanh khởi lại sanh vào súc sanh ở khắp mọi nơi để chịu khổ do tội phá hoại Phật pháp. Như đã nói, trong địa ngục trọng tội lưu chuyển khắp nơi, hoặc được làm thân người nhưng sanh nhà mù lòa của kẻ Chiên-đà-la, hay sanh vào nhà quá nghèo làm vệ sinh nhà xí, hay khiên vác xác chết, hoặc sanh ra không có mắt, một mắt, mất hũ, không có lưỡi, không có tai, không có tay, sanh vào những nơi không có Phật, Pháp và đệ tử của Phật. Vì sao? Vì đã tích chứa sâu dày chủng tử nghiệp phá hoại chánh pháp.

Kinh Niết Bàn dạy: Nếu có ai không tin kinh điển thì hiện đời bị vô lượng tật bệnh khổ não dày vò, chịu sự hủy nhục của mọi người. Sau khi chết, bị mọi người xem thường, nhan sắc xấu xí, tài sản ít ỏi, thường không đầy đủ, tuy được một tí sơ sài nhưng bị xấu ác che lấp, luôn ở nhà bần cùng hà tiện, tà kiến hủy báng chánh pháp. Khi chết gặp cảnh loạn lạc đao binh nổi lên, vua chúa bạo ác, oan gia đối đầu, hiềm khích khổ sở, tuy có bạn lành nhưng chẳng gặp gỡ, tiền của sanh sống cầu mãi không đủ, tuy được chút ít lợi ích nhưng thường bị đói khát, chỉ được những người dưới quan tâm. Quốc vương đại thần tuyển chọn người không kể tuổi tác, giả sử nghe người đó giảng thuyết thì hoàn toàn không tin tưởng thọ trì. Người như thế, giống chim bị gãy cánh không thể bay được. Cũng vậy, người này ở đời vị lai, không thể sống những nơi tốt đẹp của trời người. Nếu có người có thể tin hiểu kinh điển Đại thừa, vốn đã chịu hình dáng thô xấu, nhưng nhờ công đức tin kinh liền

sanh đọa chánh, nhan sắc diện mạo ngày càng tăng thêm, được trời người thích ngắm nhìn, kính thương yêu mến, quốc vương đại thần và quyền thuộc nghe nói đến người này cũng đều thương yêu. Hoặc nghe trong số đệ tử của Ta muốn làm việc hiếm có đệ nhất nên vì mọi người giảng rõ về kinh đại thừa như vậy.

Này thiện nam! Giống như sương mai tuy muốn tồn tại nhưng không còn lại khi mặt trời xuất hiện. Mặt trời lên đều tan hoại tất cả. Thiện nam, chúng sanh tạo các nghiệp ác cũng như vậy, năng lực người đời không thể vượt qua để thấy được mặt trời Đại Niết bàn. Mặt trời này mọc thì sẽ làm tiêu trừ các nghiệp ác. Kinh Pháp Hoa dạy: Khi Đức Phật còn tại thế hay sau khi Ngài diệt độ, có người phỉ báng kinh điển như vậy: Thấy người đọc tụng trì kinh mà xem thường, ganh tị sanh oán kết, tội báo của người này nay ông sẽ được nghe: Người ấy lúc chết, vào địa ngục A-tỳ hết trọn một kiếp rồi sanh lại trong đó, cứ lần lượt như thế đến vô số kiếp, ra khỏi địa ngục lại rơi vào súc sanh trong vô lượng kiếp như cát sông hằng, sanh làm người các căn không đủ, mù, điếc, câm, ngọng. Đức Phật bảo tôn giả Xá Lợi Phất, người hủ báng kinh này, nếu nói tội một kiếp cũng không cùng, kệ dạy:

*Sáng nghe, tin được vui
Chiều chết vẫn không buồn
Thấy Không liền thanh thản
Há rửa sạch tối tăm.
Rưới máu thiện khó tìm
Đốt thân đâu dễ thấy
Trôi nổi như bọt sóng
Soi khắp nơi tối tăm.
Chim hồng đến an vui
Mỗi lần chim thay lông
Chưa từng vui hộp quý
Sau đó vui pháp loạn.
Tam tạng rất khó hiểu
Ba kỳ chưa ngừng nghĩ
Mình chẳng sửa tâm uest
Đâu gặp được chân như.*

THỨ BA: KÍNH TẶNG

- Duyên thuật ý.
- Duyên thuận ích.
- Duyên vi tổn.

Thứ 1: Duyên thuật ý

Luận về Tăng bảo, nghĩa là giữ gìn cấm giới chân chánh đầy đủ, oai nghi khác đời, làm mẫu mực cho người đời phát tâm, bỏ đời kiến lập chánh pháp hưng thịnh, tâm ý không bị dao động, không nhớ đến bà con, hoàng dương đạo pháp, báo đáp bốn ân, nuôi dưỡng công đức để làm tươi tốt ba cõi, vượt hẳn trời người không xem trọng vàng ngọc, gọi là Tăng.

Biết được, Tăng bảo là lợi ích không thể tính kể, nên trong kinh dạy: Dẫn người trì giới hay phá giới, già hay trẻ đều nên cung kính, không được xem thường, nếu trái lời dạy này thì phạm tội nặng. Như Phật Thích-ca là Phật bảo, từ kim khẩu thuyết pháp, về giáo lý Hạnh quả là chân pháp bảo, đặc quả Sa-môn là Tăng bảo, khiến cho mọi người một lần chiêm ngưỡng, một lần kính lễ, vạn khổ lụy đều tan biến. Một lần tán thán, một lần xưng danh hiệu thì ngàn tai họa tiêu tan. Tự nghĩ mình ít phước không gặp được sự giáo hóa chân chánh. Lại nhờ vào sự dẫu tích còn lại, may mắn được sự che chở của vàng(đỏ lạt), đồng đỏ đậm, vải đen, cỏ đỏ son, làm dung mạo cho bậc Thánh, gọi là Phật bảo. Dùng bút tre viết trên lụa tơ, những lời dạy sâu kín, gọi là Pháp bảo. Cạo tóc mặc áo hoại sắc, cầm giữ ừng khí, gọi là Tăng bảo. Ba loại thể tướng này tuy giả nhưng dùng để làm biểu tượng chân chánh, cung kính Tam bảo tồn tại mãi mãi, nếu xem thường thì chịu nhiều quả báo khổ não, như cây gận mẹ, kính lễ còn lưu lại hơn ngàn đời. Phạm chẳng phải Thánh Tăng, kính lễ tức sáng suốt quá vạn kiếp. Ngọn gió ấy, thổi đến xa gần đều theo, hàm thức tối tăm, thần thức hung ác, phóng đặng lầm lạc sẽ chiêu cảm tội lỗi to lớn. Đã phát tâm xuất gia, tuân theo quy tắc sửa đổi những tật xấu. Vả lại như kính lễ nói: Người đời thì không lễ bái, vì mất lễ kính đâu đồng nhau, người bỏ thế tục, thân mang áo giáp nhẵn nhụi mà luôn cúi người đời, lý ấy chẳng thể! Tam bảo đã đồng nghĩa nên cung kính, không thể tuân thủ thiên lệch Phật, Pháp mà xả bỏ Tăng ni, nên pháp không tự nó hoàng truyền mà phải từ người truyền bá. Người có thể truyền đạo thì cần phải nghiêm túc cung kính.

Thứ 2: Duyên thuận theo lợi ích

Trong kinh Phạm Võng dạy: Pháp của người xuất gia không nên lễ bái quốc vương, cha mẹ, bà con cũng không nên kính lễ quý thần.

Lại trong kinh Niết Bàn dạy: Người xuất gia không nên lễ kính người tại gia.

Trong luật Tứ Phần dạy: Đức Phật bảo: Các Tỳ kheo lớn hay nhỏ đều nên thứ tự lễ bái mà không được lễ bái cư sĩ.

Trong kinh Phật Bản Hạnh dạy: Vua Du-đầu-đà và trăm quân thân tiếp theo thứ lớp kính lễ Phật. Đức Phật dạy: Hôm nay, Trẫm có thể đánh lễ Tỳ kheo Ưu-ba-ly và các Tỳ-kheo khác. Vua nghe Phật dạy liền đứng dậy thứ tự đánh lễ năm trăm vị Tỳ-kheo mới xuất gia.

Trong kinh Tát-giá-ni-cần dạy: Nếu hủy báng pháp Thanh văn, Bích chi Phật, Đại thừa và làm khó dễ người thì phạm tội thô ác. Lại trong luận Thuận-chánh-lý dạy: Chúng thiên thần không dám mong cầu nhận sự lễ bái của người thọ năm giới, như quan thần, vua cũng không mong cầu sự lễ bái của Tỳ-kheo, vì sợ tổn giảm công đức và mạng sống.

Lại trong kinh Niết-bàn dạy, Phật bảo Ca Diếp: Nếu có người nào xây dựng hộ trì chánh pháp thì nên thưa thỉnh xả bỏ thân mạng cúng dường người ấy. Như Ta đã giảng thuyết trong kinh Đại thừa:

*Có người hiểu pháp
Hoặc già hoặc trẻ
Phải nên cúng dường
Cung kính lễ bái.
Như Bà la môn
Kính thờ thần lửa
Có người hiểu pháp
Hoặc già hoặc trẻ
Phải nên cúng dường.
Cung kính lễ bái
Cũng như chư thiên
Phụng sự Đế Thích.*

Tôn giả Ca Diếp bạch Phật: Nếu có Trưởng lão giữ gìn cấm giới, theo người trẻ tuổi đến thưa hỏi mà chưa hiểu thì người này làm sao đáng kính lễ, nếu phải kính lễ thì không gọi là trì giới. Nếu có người trẻ tuổi giữ gìn cấm giới, nếu các vị lớn đến hỏi mà không hiểu, thì người ấy đáng kính lễ không? Nếu người xuất gia theo người tại gia hỏi mà không hiểu thì nên kính lễ không? Nhưng người xuất gia không nên

kính lễ người tại gia. Trong pháp của Phật, người trẻ tuổi, thơ ấu, nên cung kính các bậc trưởng lão. Do các vị trưởng lão này trước đã thọ giới Cụ túc, đầy đủ oai nghi cho nên phải cung kính cúng dường.

Trong kinh A-hàm dạy: Thế nào là Tỳ kheo biết hơn người? Tỳ kheo biết có hai hạng, người có tin hiểu và không có niềm tin. Nếu người có niềm tin thì thù thắng, người không tin thì không như vậy. Nghĩa là người tin hiểu có hai loại: Số người đến gặp Tỳ-kheo và số người không đến gặp. Số người đến gặp Tỳ-kheo thì thù thắng hơn còn số không đến gặp Tỳ kheo thì không như vậy. Số người đến gặp Tỳ kheo có hai loại là kính lễ Tỳ-kheo và không kính lễ Tỳ-kheo. Nếu kính lễ Tỳ-kheo thì hơn hẳn, còn không kính lễ Tỳ-kheo thì không như vậy. Kính lễ Tỳ kheo có hai loại là hạng hỏi kính và không hỏi kính, nếu có hỏi kính thì thắng vượt, còn không hỏi kính thì không như vậy.

Lại trong kinh Cụ Tập Thí Dụ dạy: Thuở xưa, có quốc vương ra khỏi thành, mỗi khi thấy Sa-môn liền xuống xe lễ bái. Sa-môn thưa:

Tâu đại vương! Xin Đại vương chỉ ngừng mà không xuống xe.

Nhà vua trả lời: Ta lên chứ không xuống, sợ dĩ nói lên mà không xuống là hôm nay ta vì Sa-môn đánh lễ, sau khi băng hà sẽ sanh lên cõi trời cho nên nói lên mà không xuống.

Trong luật Thiện Kiến dạy: Vua Du Đầu Đàn Na lễ Phật xong thưa Đức Phật: Ngày nay, ta có ba lần đánh lễ Như lai. Một là khi Ngài mới ra đời, A-di đoán tướng: Nếu Ngài ở đời sẽ làm Chuyển luân thánh vương. Nếu xuất gia học đạo chắc chắn thành Phật, khi ấy quả đất rung động, ta thấy năng lực thần thông liền đánh lễ. Thứ hai, khi ta đi du ngoạn có người đang cày ruộng lúc Bồ-tát ở dưới cây Diêm phù, vào buổi trưa mặt trời dừng ở ngọn cây mà không di chuyển che thân Bồ tát, ta thấy thần lực ấy, liền đánh lễ. Thứ ba, hôm nay thỉnh Phật đến nước ta, Ngài bay lên hư không hóa thành mười tám thân như thần lực điều phục ngoại đạo không khác, liền đánh lễ.

Trong kinh A Hàm dạy: Lúc ấy Thế tôn bảo các Tỳ-kheo, Ở đời quá khứ, Thích đề hoàn nhưn mỗi khi vào rừng du ngoạn thì bảo người hầu chuẩn bị một ngàn xe ngựa, chuẩn bị xong chỉ vua mới biết. Khi ấy, trời Đế-thích hiện xuống điện Thường thắng, quay về hướng Đông chấp tay đánh lễ. Bấy giờ, người hầu thấy kinh hoàng run sợ nên roi ngựa rơi xuống đất, Đế-thích thấy vậy nói kệ:

Ông đâu quý mà sợ

Roi ngựa rơi xuống đất

Người hầu dùng kệ thưa Đế-thích:

Thấy vua trời Đế-thích.
 Mà xả bỏ danh tiếng
 Cho nên sanh lo sợ
 Roi ngựa rơi xuống đất
 Thường thấy trời Đế-thích.
 Tất cả các đại địa
 Vua lớn nhỏ trời người
 Và bốn vua cứu đời
 Cõi trời ba mươi ba.
 Tất cả đều kính lễ
 Bạc tôn quý ở đâu
 Đế-thích đều tôn quý
 Hôm nay hướng phía Đông
 Chắp tay cung kính lễ.
 Bây giờ Đế-thích dùng kệ trả lời:
 Ta ở trong tất cả
 Vua lớn nhỏ thế gian
 Và bốn vua hộ thế
 Cõi trời ba mươi ba
 Tôn chủ ấy đệ nhất
 Nên đều đến kính lễ.
 Mà ở trong thế gian
 Tùy thuận bậc Chánh giác
 Hiệu là Mãn-đại-sư
 Nên ta cúi đầu lễ.
 Người hầu lại thưa:
 Người hấn hơn thế gian
 Làm cho trời Đế thích
 Cung kính mà chắp tay
 Hướng Đông cúi đầu lễ
 Nay ta cũng kính lễ
 Cung kính bậc vua trời.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: Trời Đế-thích đó là vua Tự tại, lại còn cung kính Phật, Tỳ-kheo các ông xuất gia học đạo cũng cung kính Đức Phật như vậy. Vua trời Đế thích đó bỏ đi danh tiếng, cung kính tán thán và lễ bái Pháp Tăng. Các ông đã có thể phát lòng tin chơn chánh xuất gia học đạo, cũng phải kính tin Pháp, Tăng như thế.

Bây giờ, trời Đế-thích từ điện Thường thắng đi xuống, hướng khắp

các phương, chấp tay cung kính. Khi ấy người hầu thấy trời Đế-thích từ điện Thường thắng bước xuống đến trong sân, hướng đến các phương chấp tay cung kính. Người hầu thấy run sợ, liền rơi roi ngựa xuống đất nói kệ:

*Đâu là Kiều-thi-ca
 Lại chẳng phải xuất gia
 Vì ta nói nghĩa này
 Khao khát muốn được nghe
 Khi ấy, trời Đế-thích nói kệ đáp:
 Ta tôn kính vị ấy
 Người chẳng phải xuất gia
 Tự tại đến các phương
 Không kể đi hay nghỉ.
 Xóm làng khắp đất nước
 Tâm không bị trói buộc
 Không cất chứa tài sản
 Đi không trú một nơi.
 Đến thì không mong cầu
 Chỉ Vô vi là vui
 Nói thì nói lời thiện
 Không nói thì tịch định.
 Chư thiên A-tu-la
 Mọi một trái nghịch nhau
 Người đời tự tranh chấp
 Thường chống trái như vậy.
 Chỉ có người xuất gia
 Ở nơi tranh không dành
 Với tất cả chúng sanh
 Bỏ hết dao và gậy
 Xa lìa tài cùng sắc
 Không say cũng không mê
 Trừ bỏ tất cả ác
 Nên kính lễ vị ấy.
 Khi ấy người hầu liền nói kệ:
 Kính lễ của vua trời
 Là hơn hẳn thế gian
 Ta từ nay trở đi
 Nên kính người xuất gia.*

Trong kinh A-dục vương dạy: Xưa có vua A-thứ-già thấy Sa-di bảy tuổi ở chỗ vắng liền đến lễ bái, bảo với Sa-di: Ta chẳng hướng đến người đời mà chỉ kính lễ ông. Khi ấy, trước mặt Sa-di có một phòng tắm, Sa-di liền vào trong đó, rồi đi ra mà nói: Vua cẩn thận, chớ hướng đến Sa-di phạm tục này đang từ phòng tắm ra. Vua liền bảo Sa-di: Ta đang nói với người, không được lẫn tránh, những điều này trong kinh đều dạy: Sa-di tuy nhỏ cũng không nên xem thường, con vua tuy nhỏ cũng không nên xem thường. Rõng con tuy nhỏ cũng không nên xem thường, Sa-di tuy nhỏ nhưng có thể độ người. Con vua tuy nhỏ nhưng có thể giết người. Rõng con tuy nhỏ nhưng có thể tụ mây làm cho mưa tuôn sấm chớp sét đánh. Đối với những việc nhỏ cũng không nên xem thường.

Trong kinh Phó Pháp Tạng dạy: Sau khi Phật nhập Niết bàn một trăm năm, có vua A-dục thường kính tin Tam bảo, hay mở đại hội chiêu đãi. Đến ngày đại hội, nhà vua xông hương, tắm rửa, mặc áo mới sạch đẹp lên lầu cao, hướng về bốn phương cung thỉnh Chúng Tăng từ xa. Chúng Tăng bay đến hai mươi vạn. Lòng tin sâu xa của vua khó lường, thấy các Sa-môn hoặc già, trẻ, phạm, thánh đều tiếp đón thưa hỏi cung kính đánh lễ. Lúc ấy, có vị thần Dạ-xa, tà kiến lớn, không có lòng tin kính, thấy vua lễ bái cho rằng: Vua thật vô trí, từ khước phước đức quý báu của mình mà đánh lễ trẻ nhỏ. Vua nghe rồi liền bảo các thần: Mỗi người phải tìm kiếm giết một trăm con thú và một đầu người, còn bảo Dạ-xa chỉ tìm một đầu người, nếu ai đủ thì đem ra chợ bán. Mọi người thấy đầu người của Dạ-xa thì khinh chê không mua, qua mấy ngày bị thối hôi, họ thấy vậy cùng nhau nhục mạ: Hôm nay, ông chẳng phải Chiên-đà-la mà là Dạ-xoa, La sát, vì sao đem đầu người chết đi bán? Bấy giờ Dạ-xa bị nhục mạ, liền đến chỗ vua thưa: Thần bán đầu người lại bị nhục mạ thân, không muốn thấy hướng nữa là mua. Vua lại bảo, nếu không có người mua thì chỉ đem cho không. Dạ-xa vâng lời lại đem ra chợ kêu gọi mọi người: Hôm nay, người nào không có tiền mua thì ta cho không, người ở trong chợ nghe lại nhục mạ thêm, không chịu nhận, Dạ-xa xấu hổ trở về chỗ vua chấp tay thưa: Đầu này khó bán, cho không cũng không nhận, lại bị mắng nhiếc hướng nữa có người mua!

Vua hỏi Dạ-xa: Vật gì quý báu nhất?

Dạ-xa trả lời: Người là quý nhất.

Vua nói: Nếu quý sao không bán được.

Dạ-xa trả lời: Người sống thì quý còn chết rồi thì thấp hèn.

Vua hỏi Dạ-xa: Đầu của ta nếu chết có giống đầu ấy không?

Dạ-xa kinh hoàng run sợ không dám trả lời.

Vua liền bảo: Ông chớ sợ, cho phép ông trả lời như thật.

Dạ-xa cố gượng lên trả lời: Đầu vua khi chết cũng giống như vậy.

Vua bảo: Đầu của ta khi chết nếu giống như vậy thì sao ông lại quở trách ta kính lễ chúng Tăng? Nếu ông là thiện tri thức chơn thật của ta thì nên khuyến khích Ta đổi đầu mong manh để được kiên cố, sao hôm nay ông lại ngăn cản ta lễ bái?

Khi đó, Dạ-xa nghe vua nói như vậy liền tự hối hận thâm trách và hứa sẽ sửa bỏ tà thành chánh, qui kính Tam bảo. Do nhân duyên này, chúng sanh nghe được thì khi thấy Tam bảo nên chí tâm lễ bái

Thứ 3: Duyên chống trái

Như trong kinh Tượng pháp quyết nghi dạy: Tất cả người thế tục, không kể giàu nghèo, không được đánh đập Tam bảo, nô tì, súc sanh và không thọ nhận sự lễ bái của nô tì và vật Tam bảo, vì đều bị tai ương lỗi lầm. Trong kinh Tát-già-ni-kiền dạy: Nếu phá chùa tháp, hoặc lấy vật của Phật, hoặc bảo người làm mà vui theo, nếu có Sa-môn mặc áo ca sa, hoặc có trì giới hay phá giới, hoặc có trói buộc hay giải thoát, hoặc khiến hoàn tục, hoặc dứt mạng sống. Như vậy là phạm tội căn bản, chắc chắn bị rơi vào địa ngục Vô gián chịu khổ não. Do trong nước vua làm những việc bất thiện, nên các vị Tiên Thánh đều bỏ nước mà đi. Năng lực lớn của chư thần không ủng hộ đất nước nữa. Các vị đại thần khởi lên tranh chấp bốn phương, mưa gió thất thường, nhân dân đói khát, giặc cướp tung hoành, bệnh dịch chết chóc vô số, không biết tự mình làm mà cứ oán trách trời đất.

Trong kinh Nhơn Vương dạy: Trong nước mà vua, đại thần tự ý mình cao quý, phá diệt pháp của ta dùng để chế pháp, ngăn cản không cho đệ tử Ta xuất gia, không cho đúc vẽ tượng Phật, lập ra quan quản thúc kiểm tra Tăng tịch, sách vở của chúng Tăng, Tỳ kheo đứng dưới thấp cư sĩ ngồi trên cao. Thái tử của quốc vương tự ban hành pháp chế không theo nhân duyên giáo lý của Phật, phá hủy nhân duyên của Ta. Quan thống trị kiểm soát và làm chủ kinh điển Tăng tịch. Chúng Tăng rất khổ sở trăm việc giữ gìn pháp Phật, không tồn tại được lâu dài.

Trong kinh Đại Tập, Phật dạy: Nếu có chúng sanh ở đời hiện tại và vị lai, thường tin hiểu Phật Pháp Tăng, những chúng sanh đó ở trong hàng trời người thọ được quả báo tối thắng vô lượng, chẳng bao lâu được thành vô úy. Như vậy, cho đến cúng dường một người vì Ta

xuất gia và theo Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa lại không thọ giới thì cúng dường người này cũng được công đức cho đến vào thành vô úy. Do nhân duyên này nên Ta nói như vậy. Nếu lại có người vì ta xuất gia mà không giữ gìn cấm giới, cạo bỏ râu tóc mặc áo cà sa, người này nào hại phi pháp, cho đến phá hoại Pháp thân, Báo thân chư Phật ba đời cho đến đầy đầy ba đường ác. Đức Phật dạy: Nếu có chúng sanh vì Ta xuất gia cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, giả sử không trì giới thì những người ấy đều là sở ẩn Niết bàn của ẩn. Nếu lại có người xuất gia mà không trì giới dùng phi pháp làm nào loạn nhục mạ, cầm dao gậy đánh đập, trói buộc chém chặt, hoặc cướp y bát và lấy tất cả tài sản thì người ấy đã hoại Báo thân chân thật chư Phật ba đời, tức là khêu mắt của trời người. Người này nhấn chìm chánh pháp của chư Phật và hạt giống của Tam bảo. Nay chư thiên, loài người không được lợi ích, rơi vào địa ngục là do ba đường ác tăng trưởng đầy khắp. Lúc ấy, vua Đại phạn thiên làm chủ thế giới Ta bà, liền bạch Phật: Nếu có người vì Phật cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, không thọ giới cấm hay thọ rồi mà hủy phạm, vua Sát-lợi ấy làm rối loạn, hủy nhục, đánh đập trói buộc thì mất bao nhiêu tội?

Đức Phật dạy: Nay Đại phạn! Nay ta vì ông nói tóm lược. Nếu có người làm chảy máu vụn ức chư Phật ý ông nghĩ sao? Người ấy mắc tội không?

Vua Đại Phạn thưa: Nếu người chỉ làm chảy máu một thân Phật thì mắc tội Vô gián lại còn chịu nhiều vô lượng không thể tính kể, rơi trong đại địa ngục A-tỳ, huống nữa làm chảy máu vụn ức chư Phật thì hoàn toàn không thể nói kể hết tội báo của người đó chỉ trừ Như lai.

Đức Phật dạy: Nay Đại phạn! Nếu có người nào loạn, nhục mạ, đánh trói mà vì Ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo cà sa, không thọ giới cấm hoặc thọ rồi mà phạm thì mắc tội nhiều hơn thế. Vì sao? Vì người này còn có thể giáo hóa chư thiên loài người đạo Niết bàn. Người này lại ở trong Tam bảo, tâm thường kính tin hơn chín mươi lăm phái ngoại đạo, người ấy nhất định nhanh chóng vào Niết bàn hơn tất cả người ở đời, chỉ trừ người tại gia đắc nhẫn nhục, cho nên trời người nên cúng dường huống nữa người có khả năng thọ trì giới cấm, ba nghiệp tương ưng. Tất cả quốc vương và quần thần xử đoán các việc, như thấy người ấy ở trong pháp Ta mà xuất gia gây các trọng tội đại sát sanh, đại trộm cắp, ô nhiễm phạm hạnh, đại vọng ngữ và những bất thiện khác thì chỉ đuổi ra khỏi nước không cho ở chùa và làm việc chúng Tăng cũng không được dùng roi đánh, cũng không nên nhục mạ làm tăng thêm tội người. Nếu trái pháp, liền trị phạt, người ấy bị mất quả vị giải thoát, thọ vào loài

thấp hơn, từ bỏ tất cả việc thiện của trời người, nhất định trở lại địa ngục A-tỳ hưởng nữa dùng roi đánh, vì Phật xuất gia thọ giới Cụ túc

Trong kinh Thập Luận, Đức Phật dạy: Này thiện nam tử! Có bốn loại Tăng; Những gì là bốn? Một là Tăng đệ nhất nghĩa. Hai là Tăng thanh tịnh. Ba là Tăng cầm như dê. Bốn là Tăng không biết hổ thẹn. Thế nào là Tăng đệ nhất nghĩa? Chư Phật, Bồ tát, Bích chi Phật và bốn quả Sa-môn. Bảy hạng người trên là Tăng đệ nhất nghĩa, người tại gia cũng đắc được quả Thánh gọi là Tăng đệ nhất nghĩa. Thế nào là Tăng thanh tịnh? Là những vị giữ giới Cụ túc gọi là Tăng thanh tịnh. Thế nào gọi là Tăng dê cầm? Là không biết phạm giới khinh, trọng, những tội nhỏ nhặt có thể sám hối, mê tối không biết, không gần gũi thiện tri thức, không thưa hỏi nghĩa lý sâu xa về thiện hay ác, những người như vậy đều gọi là Tăng dê cầm. Thế nào gọi là Tăng không biết hổ thẹn? Là những người vì mạng sống mà đến ở trong Phật pháp, đều phạm giới và phá hòa hiệp Tăng, không sợ đời sau, buông lung sáu căn, tham đắm năm dục. Những người như vậy gọi là Tăng không tầm quý.

Trong kinh Đại Bi, Đức Phật bảo A Nan: Ở trong pháp của Ta chỉ là dòng họ Sa-môn mà làm nhiệm ô Sa-môn, tự xưng là Sa-môn, hình tướng tương tự Sa-môn mang y ca sa. Ở trong Hiền kiếp, Ngài Di Lặc là đầu tiên, cho đến cuối cùng là Ngài Lô Giá. những Sa-môn ấy trải qua một ngàn Đức Phật mà nhập Vô như Niết bàn, tất cả lần lượt chứng đắc Bát Niết Bàn. Vì sao? Vì trong các Sa-môn này, cứ một lần xưng danh hiệu Đức Phật thì phát sanh lòng tin nên được công đức hoàn toàn không hư dối. Này A Nan! Ta dùng trí tuệ Đức Phật suy lường mà biết được pháp giới chẳng phải không suy lường. Này A Nan! Làm việc lành được phước báo lành, làm việc ác thì bị quả báo xấu. Nếu có chúng sanh tâm thanh tịnh mà xưng niệm Nam mô Phật, do những người ấy được nhãn căn thanh tịnh nên chắc chắn gần đến Niết bàn, hưởng nữa gặp Phật thân cận cúng dường.

Trong kinh Thập Luận, Đức Phật dạy: Nếu các Tỳ-kheo theo pháp của Ta xuất gia, hết thủy trời người A-tu-la đều nên cúng dường. Nếu giữ gìn cấm giới thì không nên xử hình phạt giam cầm, cắt bỏ tay chân, cho đến giết chết, đều không được pháp này. Nếu có Tỳ-kheo phá giới như bị thối rửa chẳng có phạm hạnh mà cho là phạm hạnh, thối mất quả vị chứng Thánh đạo, bị các phiền não trói buộc làm hủy hoại nhưng còn có thể giáo hóa cho tất cả trời, rồng, người và phi nhân, được vô lượng công đức như cất chứa châu báu. Cho nên, người theo Ta xuất gia trì giới hay phá giới Ta đều không chấp nhận. Luân vương, đại thần, tể

tướng không được xử trị giam cầm trời buộc, dùng dao gậy chém chặt chân tay cho đến giết chết, huống nữa Tỳ-kheo phạm giới nhẹ oai nghi nhỏ nhất. Mặc dù người ấy chết nhưng năng lực của giới vẫn còn, giống như bò vàng tuy chết đi nhưng người ta vẫn dùng, như xạ hương, lúc người chết rồi vẫn dùng đều có rất nhiều lợi ích cho chúng sanh. Cũng vậy, Tỳ-kheo làm ác tuy phạm giới nhưng năng lực của giới vẫn còn có thể làm lợi ích vô lượng trời người. Ví như đốt hương cây hương tuy hết nhưng hương thơm vẫn còn. Tỳ-kheo phá giới cũng vậy tự rơi vào đường ác, nhưng làm cho chúng sanh tăng trưởng căn lành. Vì lý do này nên tất cả chúng sanh không nên khinh khi, hủy nhục Tỳ-kheo phá giới, phải nên ủng hộ tôn trọng cúng dường không nên trị phạt trời buộc cho đến lấy đi mạng sống. Bấy giờ, Thế tôn nói kệ:

*Nhìn hoa cải tuy héo
Còn hơn các hoa khác
Các Tỳ-kheo phá giới
Vẫn hơn hẳn ngoại đạo.
Trong kinh Đại tập Thế tôn nói kệ:
Cạo tóc mặc ca sa
Trì giới hay phá giới
Trời người nên cúng dường
Thường đầy đủ tất cả.
Cúng dường người như vậy
Chính là cúng dường Ta
Nếu có người kính pháp
Qui y và cắt tóc.
Thân mặc áo ca sa
Nói người ấy con Ta
Giả sử phạm giới cấm
An trú quả Bất thối.
Nếu đánh đập người ấy
Chính là đánh thân Ta
Nếu nhục mạ người ấy
Tức là hủy nhục Ta.
Người ấy tâm sắp diệt
Đền chánh pháp soi tỏ
Vì tài lợi tranh chấp
Sát lợi cùng sanh sân.*

Trong kinh Thập Luận dạy: Ví như ở đời quá khứ có một vị vua

tên là Phước Đức, nếu có người phạm nhiều tội thì chỉ trói, chỉ đem đến voi say chứ vua không giết chết. Lúc ấy, voi say cầm hai chân người ấy muốn ném ngã xuống đất nhưng thấy người ấy mặc áo ca sa nên voi say chỉ đặt nhẹ xuống đất không muốn làm tổn thương, rồi ngồi đối diện dùng mũi người chân, liền sanh lòng từ bi. Nay thiện nam! Voi là súc sanh mà thấy người mặc y hoại sắc còn không gia tâm làm hại. Đến đời vị lai có vua Chiên-đà-la thấy có người xuất gia pháp khí ở trong pháp của Ta gánh vác nhiều việc nhưng không thành tựu nên bắt hại hoặc giết chết người ấy, sau khi chết rơi vào địa ngục A-tỳ. Kệ:

*Chọn tài làm tiêu chí Lan huệ trong bóng
im Nghĩa lý tin khó hiểu Phi nhưn chẳng
biết rõ. Giữ tâm được tròn đầy Chiếu
sáng vào nơi tối Tất cả vượt ba cõi
Bay lên trên bốn không. Mong mạnh như
huyền mộng Tài lợi như bụi trần
Chúng sanh xin từ bỏ Thoát khỏi mọi phiền
não.*

CHỮ KINH TẬP YẾU (HẾT - QUYỂN
2)

